

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST.  
Ngày: 21-8-2023.  
V/v “ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Minh Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tạ Kỳ Trung;
- Ông Cao Hoài Hiem.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Dương Thị S, sinh năm 1981 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** anh Phạm Văn T, sinh năm 1981 - Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị S trình bày:

Chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị S và anh T1 về sống bên chồng tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh T cùng làm ruộng để sinh sống. Năm 2018, chị S và anh T bán đất và đi thuê nhà trọ để làm công nhân tại ấp L, xã L. Năm 2021, chị và anh T xảy ra mâu thuẫn do quá trình sống chung vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến gây gổ nhau thường xuyên,

anh T ham chơi bạn bè, sanh tâm cờ bạc, chị S khuyên can nhiều lần nhưng mà anh T vẫn chứng nào tật đó nên không sống chung với nhau được nữa. Chị S và anh T ly thân, sống cùng nhà nhưng không ai nói tới ai, không còn quan tâm nhau và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị S yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Kim T2, sinh ngày 03-02-2006 hiện đang sống chung với chị S. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng con theo ai thì người đó tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh T đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh T không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh T.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị S và anh Phạm Văn T.

Về con chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm

b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị S, anh T thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn, do tính tình không hợp dẫn đến gây gổ nhau thường xuyên, anh T ham chơi bạn bè, sanh tâm cờ bạc, chị S khuyên can nhiều lần nhưng mà anh T chứng nào tật đó nên không sống chung với nhau được nữa

Chị S và anh T đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến Tòa làm việc, nhưng anh T không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh Ủy ban nhân dân xã P nơi chị S, anh T chung sống, kết quả thể hiện chị S, anh T không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S, anh T.

[3] Về con chung: Chị S khai rằng, chị và anh T có 01 người con chung tên Dương Kim T2, sinh ngày 03-02-2006 hiện đang sống chung với chị S. Nhưng trên giấy khai sinh của cháu Dương Kim T2 không thể hiện tên cha, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh T không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh T và tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 22-02-2023, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị S và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Dương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026833 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Minh Tú**